



CATALOGUE

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT GLOBAL

 Tầng 2, Tòa nhà ITD - Đường Sáng Tạo 01,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM, Việt Nam

 <https://toancau.vn/>

 info@toancau.vn

THIẾT BỊ CẮT SÉT 1 PHA

► GLOBAL PLP140

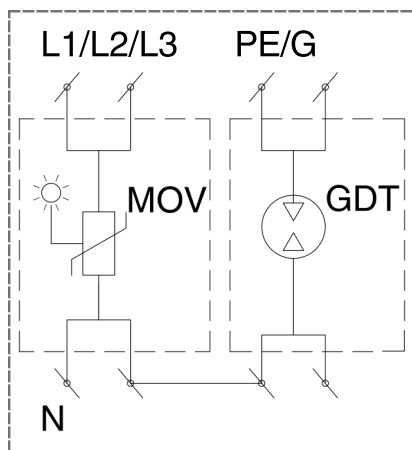


Đặc điểm

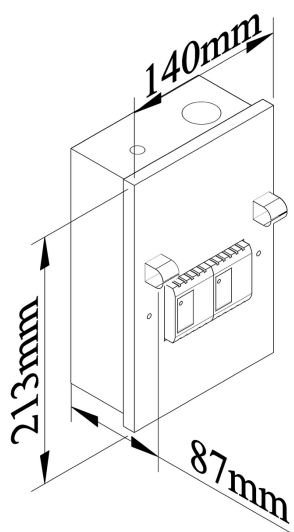
- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Đèn LED báo tình trạng làm việc của thiết bị
- Vỏ hộp bảo vệ an toàn cho quá trình vận hành

Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn, lắp đặt treo tường



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ	L-N, N-G
Công nghệ	MOV + GDT (Metal Oxide Varistor + Gas Discharge Tubes)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	220 ÷ 240
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (U_t /chế độ) (Vac)	442
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	40 (L-N) 150 (N-G)
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	4(L-N); 50 (N-G)
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 25
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Thép sơn tĩnh điện
Lắp đặt	Treo tường
Chỉ thị trạng thái	LED
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	140 x 213 x 87
Đầu nối (mm ²)	25
Trọng lượng (kg)	1,1
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I



THIẾT BỊ CẮT SÉT 1 PHA

► GLOBAL PLP160

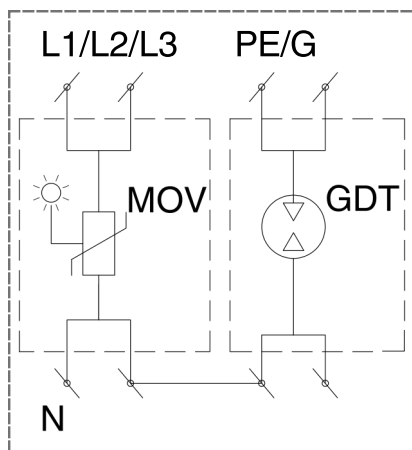


Đặc điểm

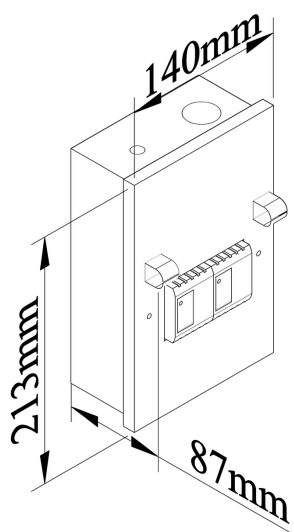
- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Đèn LED báo tình trạng làm việc của thiết bị
- Vỏ hộp bảo vệ an toàn cho quá trình vận hành

Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn, lắp đặt treo tường



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ	L-N, N-G
Công nghệ	MOV + GDT (Metal Oxide Varistor + Gas Discharge Tubes)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	220 ÷ 240
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (U_t /chế độ) (Vac)	442
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	60 (L-N) 150 (N-G)
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	6 (L-N); 50 (N-G)
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 25
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Thép sơn tĩnh điện
Lắp đặt	Treo tường
Chỉ thị trạng thái	LED
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	140 x 213 x 87
Đầu nối (mm ²)	25
Trọng lượng (kg)	1,1
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I



THIẾT BỊ CẮT SÉT 1 PHA

► GLOBAL PLP180

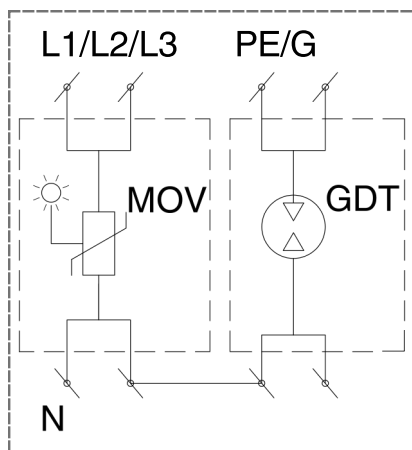


Đặc điểm

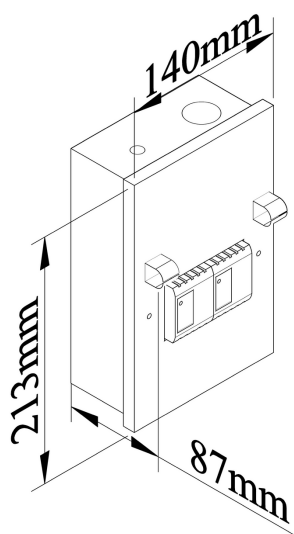
- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Đèn LED báo tình trạng làm việc của thiết bị
- Vỏ hộp bảo vệ an toàn cho quá trình vận hành

Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn, lắp đặt treo tường



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ	L-N, N-G
Công nghệ	MOV + GDT (Metal Oxide Varistor + Gas Discharge Tubes)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	220 ÷ 240
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (U_t /chế độ) (Vac)	442
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	80 (L-N) 150 (N-G)
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	8 (L-N); 50 (N-G)
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 25
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Thép sơn tĩnh điện
Lắp đặt	Treo tường
Chỉ thị trạng thái	LED
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	140 x 213 x 87
Đầu nối (mm ²)	25
Trọng lượng (kg)	1,1
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I



THIẾT BỊ CẮT SÉT 1 PHA

► GLOBAL PLP1100

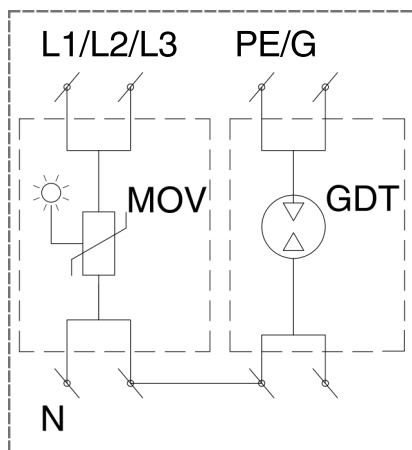


Đặc điểm

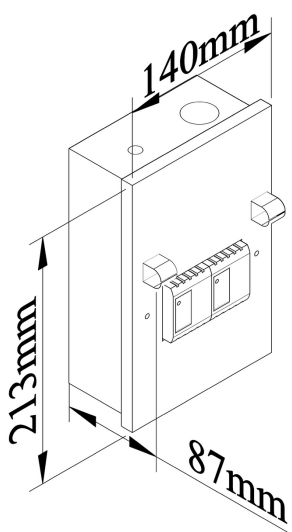
- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Đèn LED báo tình trạng làm việc của thiết bị
- Vỏ hộp bảo vệ an toàn cho quá trình vận hành

Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn, lắp đặt treo tường



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ	L-N, N-G
Công nghệ	MOV + GDT (Metal Oxide Varistor + Gas Discharge Tubes)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	220 ÷ 240
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (U_t /chế độ) (Vac)	442
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	100 (L-N) 150 (N-G)
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	10 (L-N); 50 (N-G)
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 25
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Thép sơn tĩnh điện
Lắp đặt	Treo tường
Chỉ thị trạng thái	LED
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	140 x 213 x 87
Đầu nối (mm ²)	25
Trọng lượng (kg)	1,1
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I



THIẾT BỊ CẮT SÉT 1 PHA

► GLOBAL PLP160

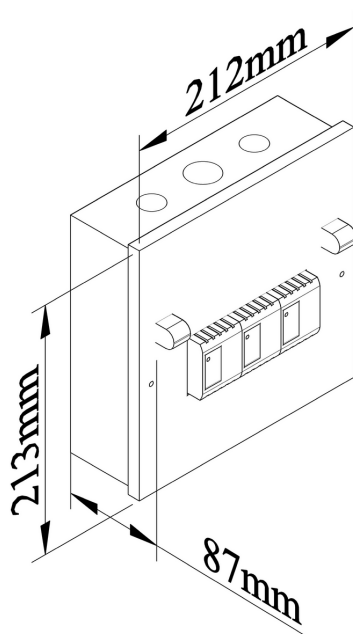


Đặc điểm

- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Đèn LED báo tình trạng làm việc của thiết bị
- Vỏ hộp bảo vệ an toàn cho quá trình vận hành

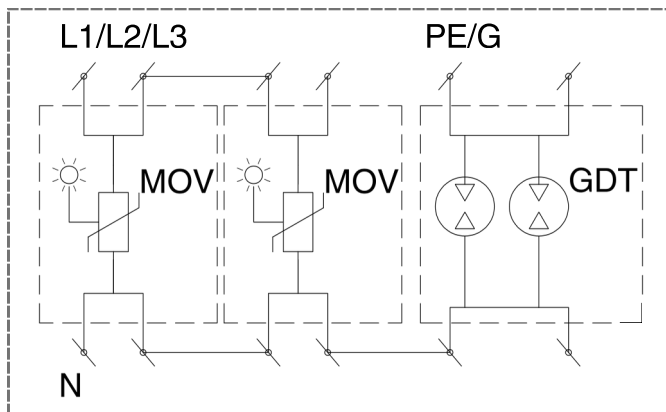
Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn, lắp đặt treo tường



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ	L-N, N-G
Công nghệ	MOV + GDT (Metal Oxide Varistor + Gas Discharge Tubes)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	220 ÷ 240
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (U_t /chế độ) (Vac)	1200
Dãi tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	160 (L-N) 300 (N-G)
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	16 (L-N); 50 (N-G)
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 100
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Thép sơn tĩnh điện
Lắp đặt	Treo tường
Chỉ thị trạng thái	LED
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	212 x 213 x 87
Đầu nối (mm ²)	25
Trọng lượng (kg)	1,45
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I



Sơ đồ đấu nối

THIẾT BỊ CẮT SÉT 1 PHA

► GLOBAL PLP1200

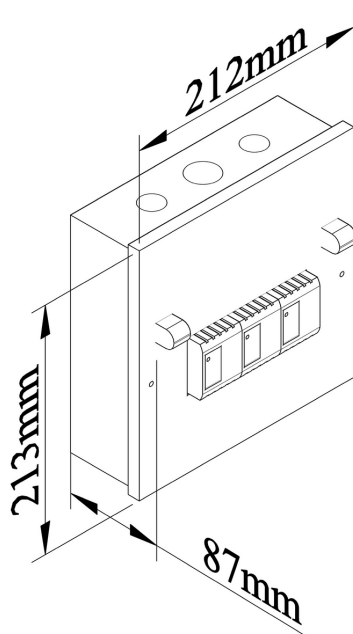


Đặc điểm

- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Đèn LED báo tình trạng làm việc của thiết bị
- Vỏ hộp bảo vệ an toàn cho quá trình vận hành

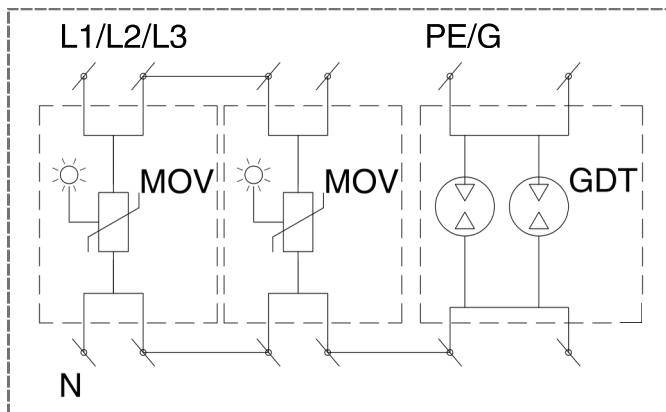
Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn, lắp đặt treo tường



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ	L-N, N-G
Công nghệ	MOV + GDT (Metal Oxide Varistor + Gas Discharge Tubes)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	220 ÷ 240
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (U_t /chế độ) (Vac)	1200
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	200 (L-N) 300 (N-G)
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	20 (L-N); 100 (N-G)
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 100
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Thép sơn tĩnh điện
Lắp đặt	Treo tường
Chỉ thị trạng thái	LED
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	212 x 213 x 87
Trọng lượng (kg)	1,45
Đầu nối (mm ²)	25
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I



Sơ đồ đấu nối